

Bản án số : 20/2020/DSST.

Ngày 19/3/2020.

Về việc tranh chấp: “ Hợp đồng  
góp hụi” .

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Cái Bè.

Ngày 19/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công  
khai vụ án thụ lý số 377/TLST-DS ngày 02/12/2019 về việc tranh chấp “ Hợp đồng góp  
hụi”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 12/02/2020 giữa  
các đương sự:

***I- Nguyên đơn:***

1. Anh **Dương Văn U**, sinh năm 1976.

2. Chị **Trương Minh Đ** ( tên thường gọi Minh H) , sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền anh Dương Văn U là chị Trương Minh Đ, theo văn bản ủy  
quyền ngày 02/12/2019 lập tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.(có  
mặt).

***II-Bị đơn:***

1. Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1963. (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964. (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

***III- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh **Trần Khánh D**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ  
án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Minh Đ và là đại diện ủy  
quyền của anh Dương Văn U trình bày:

Chị Đ và anh U có làm đầu thảo hụi, bà N là hụi viên có tham gia 05 dây hụi như  
sau:

- Dây hụi 01: Hụi khui vào tháng 4/2015 (âm lịch), hụi tiền 5.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 lần, gồm 18 phần, trong dây hụi này bà N tham gia hai phần :

+ Phần thứ nhất: Bà N hốt hụi ở kỳ thứ 05, sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết được 07 kỳ, hiện còn nợ lại 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng.

+ Phần thứ 02: Bà N đóng hụi sống được 12 kỳ với số tiền là 60.000.000 đồng. Hụi mãn vào vụ 3 năm 2019 ( tháng 7/2019 (âm lịch).

- Dây hụi 02: Hụi khui vào tháng 4/2015 (âm lịch), hụi tiền 2.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 lần, gồm 18 phần, trong dây hụi này bà N và con là anh D cùng tham gia 01 phần bà N hốt hụi vào kỳ thứ 05. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết được 07 kỳ , hiện còn nợ lại 06 kỳ với số tiền là 12.000.000 đồng. Hụi mãn vào vụ 3 năm 2019( tháng 7/2019 (âm lịch). Trong dây hụi này có ghi tên của anh D con bà N nhưng từ khi mở hụi đến hốt hụi và đóng hụi chết đều do bà N thực hiện anh D không có tham gia.

- Dây hụi 03: Hụi khui vào tháng 01/2016 (âm lịch), hụi tiền 2.000.000 đồng, hụi 04 tháng khui 01 lần, gồm 17 phần, trong dây hụi này bà N tham gia 01 phần bà N hốt hụi vào kỳ thứ 03. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết được 06 kỳ, hiện còn nợ lại 08 kỳ với số tiền là 16.000.000 đồng. Hụi mãn vào vụ 1 năm 2020( tháng 01/2020 âm lịch).

- Dây hụi 04: Hụi khui vào tháng 01/2016 (âm lịch), hụi tiền 5.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, trong dây hụi này bà N tham gia 01 phần bà N hốt hụi vào kỳ thứ 05. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết được 04 kỳ, hiện còn nợ lại 11 kỳ với số tiền là 55.000.000 đồng. Hụi mãn vào vụ 4 năm 2020( tháng 10/2020 âm lịch).

- Dây hụi 05: Hụi khui vào tháng 01/2016 (âm lịch), hụi tiền 2.000.000 đồng, hụi 04 tháng khui 01 lần, gồm 17 phần, trong dây hụi này bà N tham gia 01 phần và đóng hụi sống được 07 kỳ với số tiền 14.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Hụi mãn vào vụ 4 năm 2020( tháng 10/2020 âm lịch).

Sau đó bà N xin hốt tiếp hai dây hụi còn lại chị không cho vì bà N còn nợ hụi chết nên bà N không đóng tiếp hụi sống và hụi chết, nên chị với bà N thống nhất cần trừ phần hụi chết của bà N còn lại đến khi mãn hụi và phần hụi sống của bà N. Như vậy phần hụi chết của các dây hụi bà Nt còn nợ 113.000.000 đồng, còn hai phần hụi sống bà N đóng được 74.000.000 đồng. Sau khi cần trừ thì bà N còn nợ lại 39.000.000 đồng, bà N hứa trả dần 03 tháng trả 5.000.000 đồng và bà có trả được ba lần với số tiền là 15.000.000 đồng và còn nợ lại 24.000.000 đồng thì bà N ngưng không trả theo thỏa thuận nên chị có khởi kiện bà N tại ấp X, xã Y, huyện Cái Bè thì bà N đồng ý trả số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng nhưng hiện tại không có khả năng và hứa khi nào bán đất được thì trả nên chị không đồng ý..

Nay chị Đ và anh U khởi kiện yêu cầu bà N và ông S liên đới trả số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng làm một lần.

Tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng bà có gửi cho Tòa án bản tự khai về việc tham gia hụi với chị Đ. Bà xác định có tham gia 05 dây hụi như chị Đ trình bày là đúng, sau khi cần trừ hụi thì bà còn nợ lại chị Đ 39.000.000 đồng và bà có trả dần được 15.000.000 đồng hiện nay còn nợ lại chị Đ 24.000.000 đồng. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền hụi còn nợ là 24.000.000 đồng cho chị Đ nhưng xin trả dần ba tháng trả 5.000.000 đồng và xin trả kể từ tháng 02/2021.Ngoài ra bà N trình bày việc bà tham gia hụi với chị Đ thì ông S chồng bà biết nhưng không có tham gia và các dây hụi trên là do bà tham gia.

Ông Trần Thanh S và anh Trần Khánh D đã được tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, kết quả hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ và anh U

## **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của các đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]- Về tố tụng:

1.1- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Trương Minh Đ và anh Dương Văn U yêu cầu ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị N trả số tiền hui 24.000.000 đồng nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị N ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là hợp đồng góp hui theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự.

1.2- Ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị N và anh Trần Khánh D đã được tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S, bà N và anh D.

[2]- Về nội dung : Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy : Chị Đ và anh U xác định bà N là hui viên có tham gia tất cả là 05 dây hui mỗi dây hui bà N tham gia trong đó có hui sống và hui chết, sau khi cản trừ thì còn nợ lại số tiền là 24.000.000 đồng và tại biên bản hòa giải ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè và bản tự khai bà Nguyệt thừa nhận có tham gia hui và hiện còn nợ lại số tiền là 24.000.000 đồng. Nên có căn cứ xác định bà N có tham gia hui do chị Đ làm đầu thảo và còn nợ lại số tiền là 24.000.000 đồng nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ nên bà N là người có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của hui viên được quy định tại điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự. Do đó chị Đ và anh U khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 24.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ và anh U.

[3]- Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà có trình bày là đã tham gia 05 dây hui do chị Đ và anh U làm đầu thảo là đúng, hiện tại bà còn nợ lại chị Đ 24.000.000 đồng tiền hui. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền hui còn nợ là 24.000.000 đồng cho chị Đ nhưng xin trả dần ba tháng trả 5.000.000 đồng và xin trả kể từ tháng 02/2021 cho đến khi hết số tiền trên vì hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nhưng không được chị Đ đồng ý. Xét thấy số tiền trên đáng lẽ ra bà N phải trả đúng theo thỏa thuận nhưng kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ và anh U nên Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận.

[4]- Bị đơn ông Trần Thanh S tuy không trực tiếp tham gia chơi hui nhưng theo bản tự khai của bà N trình bày thì ông S biết rõ bà có tham gia hui của chị Đ. Hiện tại ông và bà N là vợ chồng còn chung sống với nhau, việc bà N tham gia hui là để chăm lo cho cuộc sống của gia đình. Ngoài ra theo hợp đồng giấy hót hui ngày 04/02/2017 thì ông

S là người nhận tiền hối . Do đó có căn cứ buộc ông S phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả số tiền 24.000.000 đồng cho chị Đ và anh U.

[5]- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Khánh D theo danh sách hội anh có tham gia một phần hội nhưng phía chị Đ xác định chị ghi tên của anh D là do bà N yêu cầu ghi nhưng từ khi mở hội cho đến khi hết hội điều do bà N mẹ của anh D tham gia, anh D không có tham gia và tại bản tự khai bà N cũng xác định các đây hội trên do bà tham gia. Do đó có căn cứ xác định anh D không có tham gia , nên anh D không có nghĩa vụ cùng ông S và bà N trả số tiền hội trên cho chị Đ và anh U.

[6]- Về án phí: Ông S và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu của chị Đ và anh U được chấp nhận.

Vì các lẽ trên ;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 288, khoản 2 Điều 468 , Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn U và chị Trương Minh Đ ( Minh H). Buộc ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị N liên đới trả cho anh Dương Văn U và chị Trương Minh Đ số tiền hối là 24.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí : Ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Dương Văn U và chị Trương Minh Đ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002619 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3- Anh Dương Văn U và chị Trương Minh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị N và anh Trần Khánh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TANDTỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trương Việt Chương**